NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG NGÔN NGỮ GIÚP HỌC SINH LỚP 4 HỌC TỐT VĂN MIÊU TẢ

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG* - ĐINH THỊ HỒNG MINH - HOÀNG THẢO VY*****

TÓM TẮT: Bài báo đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ giúp học sinh lớp 4 học tốt văn miêu tả. Kĩ năng sử dụng từ ngữ và diễn đạt còn hạn chế là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hiệu quả học tập môn Tập làm văn. Trên cơ sở đó, bài báo đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm phát triển vốn từ, khả năng quan sát và diễn đạt miêu tả cho học sinh. Các giải pháp được xây dựng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi và điều kiện thực tế của trường tiểu học. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng dạy học văn miêu tả ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ.

TỪ KHÓA: Giải pháp; khả năng ngôn ngữ; miêu tả; nâng cao chất lượng; phát triển vốn từ...
NHẬN BÀI: 11/08/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/10/2025

1. Đặt vấn đề

Văn miêu tả, từ lâu đã là thể loại văn được các nhà nghiên cứu quan tâm. Theo tác giả Trần Mạnh Hưởng - *Luyện tập về cảm thụ văn học ở Tiểu học* cho rằng: Miêu tả là lấy nét vẽ hoặc câu văn để biểu hiện cái chân tướng của sự vật ra. Lê Anh Xuân (chủ biên) - *Rèn kĩ năng Tập làm văn cho học sinh lớp 4* cũng nhận xét: Miêu tả dùng ngôn ngữ hoặc một phương tiện nghệ thuật nào đó làm cho người khác có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm của con người. Văn miêu tả có những đặc trưng riêng biệt, có giá trị sâu sắc trong đời sống tinh thần của con người. Miêu tả là vẽ ra các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người… bằng ngôn ngữ một cách sinh động, cụ thể. Trong cuốn *Rèn kĩ năng Tập làm văn lớp 4* tác giả Vũ Khắc Tuân cũng nhận định: Văn miêu tả là sự kết tinh của những nhận xét tinh tế, những rung động sâu sắc mà người viết thu lượm khi quan sát cuộc sống. Mới đây trong cuốn Tài liệu bồi dưỡng môn Tiếng Việt - Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 cũng đưa ra đánh giá: Bao giờ người viết cũng đánh giá chúng theo một quan điểm thẩm mĩ và gửi vào bài viết tình cảm hay ý kiến đánh giá, bình luận của mình. Do vậy, từng chi tiết của bài miêu tả đều mang ấn tượng cảm xúc chủ quan. Một bài văn miêu tả được coi là sinh động, tạo hình khi các sự vật, đồ vật, con người… được miêu tả hiện lên qua từng câu, từng dòng như trong cuộc sống thực, tưởng như có thể cầm được, có thể nhìn, ngắm được hoặc "sờ mó" được như cách nói của Gorki.

Ở cấp tiểu học, môn học Tiếng Việt có lượng chiếm khoảng 50% thời lượng học tập của học sinh.

Ngoài hai năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học), cũng như các môn học và các hoạt động giáo dục khác môn học này còn góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung cho người học. Tiếng Việt 4 chú trọng phát triển kĩ năng viết, luôn được coi là môn học khó dạy và học khó nhất. Hoạt động viết bài văn, đoạn văn phải đảm bảo sự kết nối giữa nội dung viết với chủ điểm chung của bài học và các nội dung học tập trong tuần (thông qua các hoạt động đọc, nói và nghe, luyện tập về từ và câu). Nhờ đó, tất cả các nội dung trong bài học đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho học sinh, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết văn.

Trong những năm gần đây, việc dạy Tiếng Việt, hoạt động viết (đoạn văn, bài văn) ở Tiểu học đã có nhiều chuyển biến; thể hiện rõ nhất là yêu cầu chuyển từ dạy học nội dung sang dạy học phát triển năng lực. Dạy và học theo hướng phát triển năng lực là giáo viên "trao quyền" cho học sinh nhiều hơn. Sẽ không phải là những bài văn theo khuôn mẫu máy móc mà là những bài viết theo cách cảm,

*Trường Đại học Tây Bắc: *Email: huongntt@utb.edu.vn*
***Email: minhdth.k63gdth-d@utb.edu.vn*
****Email: vyht.k63gdth-d@utb.edu.vn*

cách nghĩ của từng cá nhân học sinh. Tuy nhiên, để chuẩn bị cho quá trình sáng tạo đó, giáo viên cần phải vượt qua thách thức rất lớn đó là xóa bỏ cách dạy nhồi nhét, áp đặt, đọc chép văn mẫu, thay vào đó là khuyến khích những suy nghĩ chân thực và cách trình bày sáng tạo của người học.

2. Thực trạng của việc viết văn miêu tả của học sinh lớp 4

Để hoàn thành bài văn miêu tả, đối với học sinh lớp 4 thường gặp rất nhiều khó khăn. Do đặc điểm tâm lí, học sinh tiểu học khả năng tập trung chú ý quan sát chưa tinh tế, năng lực sử dụng ngôn ngữ chưa phát triển tốt, dẫn đến khi viết văn miêu tả, học sinh còn thiếu vốn hiểu biết về đối tượng miêu tả,...hoặc không biết cách diễn đạt điều muốn tả. Đối với giáo viên đây cũng là kiểu bài khó dạy. Giáo viên còn thiếu linh hoạt trong vận dụng phương pháp và chưa sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động học tập của học sinh. Vì vậy, không phải giờ dạy văn miêu tả nào cũng đạt hiệu quả như mong muốn, và không phải giáo viên nào cũng dạy tốt văn miêu tả. Việc tìm tòi phương pháp để hướng dẫn học sinh quan sát, tìm ý, lập dàn ý, tưởng tượng,... còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của vấn đề này là do đặc điểm tâm lí trẻ chưa ổn định. Phần lớn các em còn ham chơi, khả năng tập trung, chú ý, quan sát chưa tinh tế; năng lực sử dụng ngôn ngữ chưa phong phú; vốn sống và những hiểu biết về đối tượng miêu tả còn hạn chế,…

Phần đông giáo viên đứng lớp đã chia sẻ học sinh rất ngại học phân môn Tập làm văn, nhất là khi thực hiện yêu cầu viết bài văn hay đoạn văn. Thực tế cho thấy, bên cạnh những đoạn văn, bài văn có chất lượng tốt vẫn còn một số bài làm chưa tốt, tồn tại một số hạn chế như: Bài làm của các em còn viết theo một lối mòn khuôn sáo, ít cảm xúc, nghèo hình ảnh, lặp từ. Đặc biệt là các em dùng từ, đặt câu chưa chính xác, chưa biết sử dụng các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa...). Các em còn mắc nhiều lỗi về cấu tạo câu, ý nghĩa của câu, diễn đạt còn lủng củng, cảm xúc còn gượng ép. Bài viết còn sai chính tả. Cách làm còn chung chung, chưa cụ thể hóa dẫn đến năng lực viết văn nhất là văn miêu tả của học sinh còn hạn chế và tồn tại nhiều lỗi như: lỗi về ngữ pháp, lỗi về cách dùng từ, sử dụng từ chưa đúng nghĩa, lỗi lặp từ ngữ, lỗi diễn đạt,…

3. Phương pháp nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng, bao gồm: khảo sát thực trạng năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp 4; phân tích bài viết miêu tả của học sinh; phỏng vấn giáo viên và học sinh để thu thập ý kiến; thực nghiệm áp dụng một số giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ.

+ Khảo sát học 36 sinh của lớp 4A , Trường Tiểu học Hua La, xã Chiềng Ngần;

+ Khảo sát 35 học sinh của lớp 4D, Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, phường Tô Hiệu.

Kết quả khảo sát chất lượng đầu năm như sau:

Tên lớp	Tên trường	Sĩ số	Điểm							
			0 - 5		5 - 6		7 - 8		9 - 10	
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
4A	TH Hua La	36	7	19.4	12	33,3	11	35,6	6	11,7
4D	TH Trần Quốc Toản	35	4	11,4	12	34,3	11	31,4	8	22,9
Tổng		71	11	15.5	24	33.8	22	31.0	14	20,7

Hình 1. *Tỉ lệ chất lượng khảo sát học sinh hoàn thành môn Tiếng Việt trước khi áp dụng giải pháp*

Từ kết quả khảo sát thống kê trên biểu đồ cho thấy tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành môn Tiếng Việt ở cả 2 lớp trên 2 trường còn cao chiếm tới 20,7%, tỉ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt chưa nhiều cụ thể 51,7%.

Xuất phát từ thực trạng và những thực tiễn khảo sát, nhóm tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp dạy học sau nhằm mục đích nâng cao kĩ năng viết câu đúng và hay trong bài văn miêu tả cho học sinh lớp 4.

4. Đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng ngôn ngữ giúp học sinh lớp 4 học tốt văn miêu tả

Giải pháp 1: Sử dụng kĩ thuật "Đặt câu hỏi"

a. Mục đích

Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi là biện pháp giúp học sinh viết đúng câu văn miêu tả từ đó viết được câu mở rộng; phát triển thành phần và nội dung của câu.

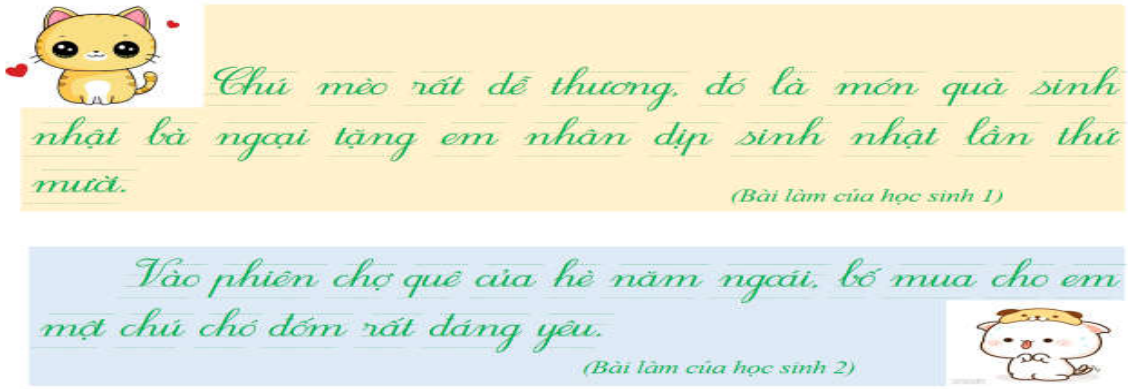
b. Mô tả biện pháp

Để giúp học sinh viết đúng câu văn miêu tả, giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào 4 câu hỏi gợi ý sau:

STT	Câu hỏi gợi ý	Mục đích
1	Ai? /Cái gì? /Con gì?	Giúp học sinh xác định được đối tượng miêu tả.
2	Làm gì? /Thế nào?	Giúp học sinh diễn tả được hoạt động/ trang thái/ đặc điểm/ tính chất, … của chủ thể vừa nói đến.
3	Khi nào? /Ở đâu?	Giúp HS mở rộng về không gian, thời gian cho đối tượng được miêu tả.
4	Vì sao?	Giúp học sinh làm rõ lí do mà mình chọn tả.

Ví dụ, để viết câu mở đoạn cho đoạn văn tả con vật, học sinh có thể sử dụng các câu hỏi để tạo câu như sau:

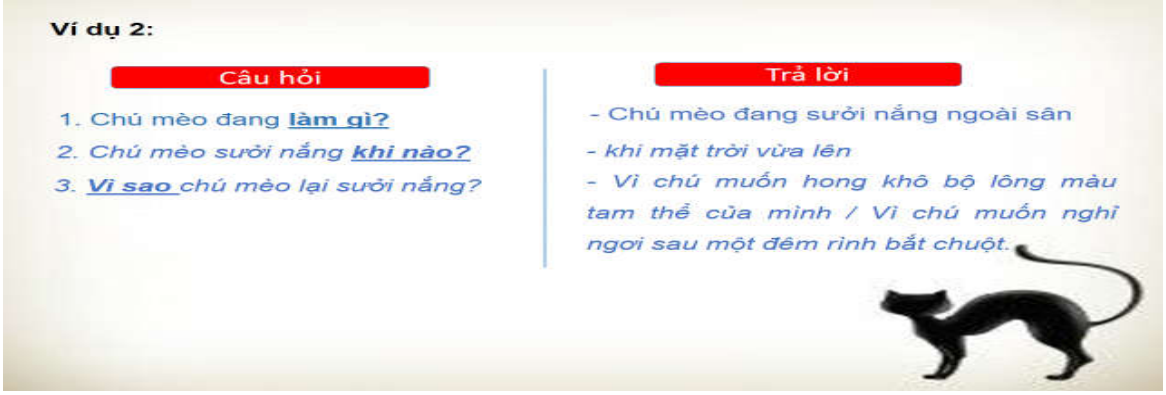
Sản phẩm thu được của học sinh sau khi sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi.,



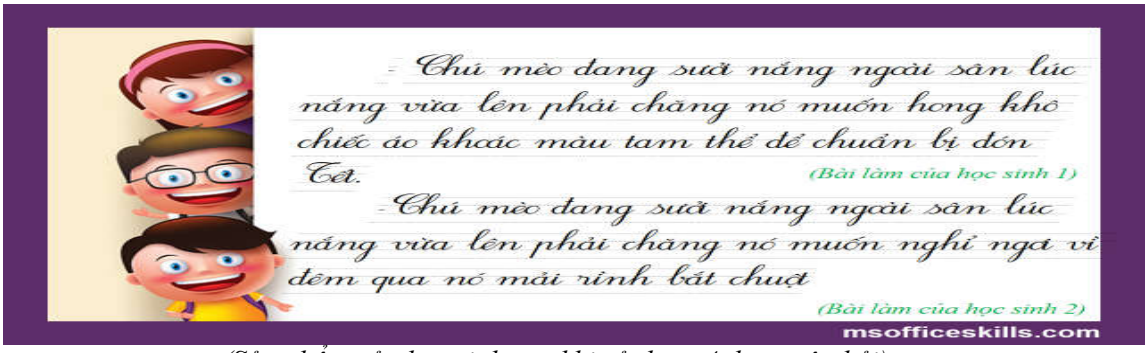
(Sản phẩm của học sinh sau khi sử dụng 4 dạng câu hỏi)

Lưu ý: Trong kĩ thuật đặt câu hỏi giáo viên cần thiết kế: Câu hỏi 1 và 2 là dạng câu hỏi giúp học sinh tạo được câu đúng; câu hỏi 3 và 4 là dạng câu hỏi giúp học sinh biết mở rộng câu.

Tiếp theo là một ví dụ về viết câu văn miêu tả hoạt động của chú mèo. Các em cũng có thể sử dụng câu hỏi để tạo câu như sau:



(Minh hoạ quá trình sử dụng 4 dạng câu hỏi của học sinh)



(Sản phẩm của học sinh sau khi sử dụng 4 dạng câu hỏi)

Lưu ý: Tuỳ vào từng trường hợp, với học sinh sử dụng linh hoạt các câu hỏi trên sao cho câu phù hợp song không nhất thiết phải sử dụng cả 4 dạng câu hỏi khi tạo câu.

c. Kết quả bài làm của học sinh:

Đề bài: *Tả hoạt động của chú mèo*

Bài làm

Chú mèo rất dễ thương, đó là món quà sinh nhật bà ngoại tặng em nhân dịp sinh nhất lần thứ mười..Chú mèo ấy rất cừ.Bất kì con chuột nào cũng không thoát khỏi móng vuốt sắc nhọn của chú. Sáng nay, chú nằm sưởi nắng ngoài sân lúc nắng vừa lên, phải chăng nó muốn hong khô chiếc áo khoác màu tam thể để chuẩn bị đón tết...

d. Nhận xét: Từ việc hướng dẫn học sinh sử dụng các câu hỏi gợi mở trên hầu hết các em đã viết được câu đúng và biết cách mở rộng để được câu văn hay hơn. Tuy nhiên, trong quá trình tạo câu học sinh còn hạn chế trong cách dùng từ, đôi khi dùng từ tối nghĩa.

Giải pháp 2: Kĩ thuật tạo từ hay

Ngôn từ là phương tiện giúp người viết vẽ lại cảnh và vật theo cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của mình. Để học sinh biết cách dùng từ và tạo từ hay khi viết câu, giáo viên nên hướng dẫn và khuyến khích học sinh sử dụng một cách linh hoạt các từ ghép, từ láy; các từ chỉ hoạt động, các tính từ chỉ màu sắc, hình khối, tính chất, mức độ để tăng khả năng gợi hình và gợi nhạc cho câu văn.

Sự sống của bài văn nằm trong hình ảnh. Thông qua việc sử dụng ngôn từ và hình ảnh, học sinh được bộc lộ cảm xúc và cá tính của mình qua các câu văn. Để có được câu văn hay trước hết phải bắt nguồn từ những từ hay.

Kĩ thuật tạo từ:
Mở rộng từ thành cụm từ ------- Sử dụng từ đồng nghĩa

(1) Mở rộng từ thành cụm từ

Công thức 1: Thêm tính từ vào sau động từ và danh từ (có hình minh họa)

Ví dụ: Từ động từ ban đầu là *"chạy"* có thể thêm vào sau động từ này các tính từ như: *vù vù; huỳnh huỵch; lon ton*. Kết quả:

Ta sẽ được các cụm động từ: *chạy vù vù, chạy huỳnh huỵch, chạy lon ton.*

Khi viết đoạn văn tả hoạt động của em bé, học sinh đã viết được câu như sau:

Em bé đang chạy ở ngoài sân. (cách viết này chưa có sức gợi tả)

Sau khi áp dụng công thức trên, học sinh đã sửa câu như sau:

Em bé chạy lon ton ở ngoài sân. (cách viết này giúp người đọc, người nghe hình dung được vẻ ngộ nghĩnh, đáng yêu của em bé).

Ví dụ: Từ danh từ ban đầu là từ *"mưa"* ta có thể thêm vào sau danh từ này các tính từ như:*mưa xối xả; mưa rả rích; mưa ầm ầm.*

Công thức 2: Thêm tính từ vào trước danh từ hoặc động từ (có hình minh họa).

Ví dụ: Với danh từ "sao", ta có thể thêm tính từ và tạo câu như sau: *bát ngát sao → Bát ngát sao đùa với gió (ý nói sao nhiều và ở trên trời cao rộng).*

Ví dụ: Với danh từ *"giếng nước"* chúng ta có thể thêm tính từ như sau:

Lung linh + giếng nước Lung linh giếng nước (ý nói nhìn xuống giếng thấy ánh trăng lung linh)

Lưu ý: Để tạo được các cụm từ có hình ảnh, khi thêm tính từ vào trước hoặc sau Danh từ hoặc Động từ, tôi hướng dẫn giáo viên khuyến khích các em sử dụng các tính từ là Từ láy hoặc Từ ghép chỉ mức độ.

(2) Sử dụng từ đồng nghĩa, từ ngữ thay thế

Khi học sinh thực hành viết đoạn văn, chúng tôi thường khuyến khích các em sử dụng từ đồng nghĩa, cụm từ thay thế để tạo sự liên kết câu, tránh được lỗi lặp từ, tạo thêm ý mới cho đoạn văn và tăng sức biểu cảm. Ví dụ:

Thế là Míc đã về làm bạn với gia đình em được gần hai năm rồi đấy. Míc có dáng lừng lững như một chú bê con. Ai ai cũng nể phục bởi cái tài đánh hơi và giữ nhà của Míc.

Trong ví dụ trên, từ Míc (tên của chú chó) được lặp lại ba lần. Nếu thay từ đó bằng các từ ngữ khác như "Anh chàng này" hoặc "chàng vệ sĩ tài năng ấy" sẽ làm cho đoạn văn hay hơn.

Bài viết được sửa lại:

Thế là Míc đã về làm bạn với gia đình em được gần hai năm rồi đấy. Anh chàng này có dáng lừng lững như một chú bê con. Ai ai cũng nể phục bởi cái tài đánh hơi và giữ nhà của chàng vệ sĩ tài năng ấy.

Tác dụng của việc dùng từ đồng nghĩa, từ ngữ thay thế: tránh được lỗi lặp từ, tạo ra sự liên kết câu trong đoạn văn; có thêm ý mới; tăng sức biểu cảm hơn.

Nhận xét: Với việc sử dụng kĩ thuật tạo từ hay, bản thân mỗi giáo viên áp dụng giải pháp đều nhận thấy hầu hết vốn từ của các em đều được mở rộng, cách dùng từ để viết câu linh hoạt và phong phú hơn trước.

Giải pháp 3: Kĩ thuật tạo câu có hình ảnh so sánh

So sánh là biện pháp tu từ sử dụng nhằm đối chiếu các sự vật, sự việc này với các sự vật, sự việc khác giống nhau trong một điểm nào đó với mục đích tăng gợi hình và gợi cảm khi diễn đạt. Biện pháp tu từ này giúp tạo câu văn hay, giàu hình ảnh. Nội dung này các em đã học từ lớp dưới. Tuy nhiên, khi viết văn, học sinh chưa có thói quen sử dụng biện pháp tu từ này hoặc khi sử dụng phép so sánh, các sự vật không tương đồng về hình dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh... Chính vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, chúng ta nên xây dựng một số dạng bài tập giúp học sinh biết tạo hình so sánh và viết câu văn có hình ảnh so sánh.

Dạng 1: Dựa vào hình ảnh gợi ý, viết câu văn có sử dụng phép so sánh.

Mục đích: Giúp học sinh viết được câu văn có hình ảnh, gợi cảm.

Ví dụ:

Những  ……..*như*  ……

 …… *như*  ……

 …… *như*  ……

Với dạng bài tập này, sau khi tìm được từng từ tương ứng với hình ảnh, học sinh viết được các câu như sau:

Những bông hoa đẹp tươi như nụ cười toản nắng của cậu bé.

Cánh đồng lúa chin vàng óng như một tấm lụa hoàng kim.

Con lợn béo tròn như một quả sim tím.

Dạng 2: Dựa vào hình ảnh, tìm đối tượng so sánh cho các sự vật, hoạt động…

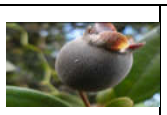
Mục đích của dạng bài tập này giúp học sinh huy động vốn sống, khả năng quan sát để tìm ra các đối tượng tương đồng và tạo phép so sánh thích hợp.

Ví dụ: *Hình dáng cây cối*

Tả hình dáng của cây bàng, học sinh có thể tìm được các hình ảnh tương đồng như là cái ô xanh khổng lồ, tháp đèn... Từ đó học sinh có thể viết được các câu văn như sau:

	- Từ xa, cây bàng như một cái ô xanh khổng lồ. Cây bàng như một cái tháp đèn khổng lồ	 

Ví dụ: *Hình dáng con vật*

Tả hình dáng của chú lợn con, học sinh có thể tìm được các hình ảnh tương đồng như là cái phích nước, quả sim chín, trái dừa xiêm… Từ đó học sinh có thể viết được các câu văn có hình ảnh so sánh.	
   	Học sinh viết như sau: *+ Chú lợn con chỉ nhỉnh hơn cái phích nướ cccủa ông em một chút.* *+ Chú lợn con béo tròn như một quả sim tím.* *+ Thân hình cú tròn lẳn như một trái dừa xiêm.*

Dạng 3: Viết câu có hình ảnh so sánh

Ví dụ: Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu văn có hình ảnh so sánh.

- Những bông hoa cúc xinh xinh dịu dàng, lung linh như…

- Bông hướng dương tựa như...

- Giọt sương ban mai tựa như…

Học sinh có thể viết được các câu như sau:

- Những bông hoa cúc xinh xinh, dịu dàng, lung linh như từng tia nắng nhỏ.

- Bông hướng dương tựa như vầng mặt trời tí hon.

- Giọt sương ban mai tựa như những hạt ngọc lấp lánh, trong veo.

Nhận xét: Qua việc sử kĩ thuật tạo câu có hình ảnh so sánh, tôi nhận thấy kĩ thuật viết câu của học sinh đã điêu luyện hơn rất nhiều. Nhờ việc sử dụng phép tu từ so sánh đã làm cho câu văn gợi hình gợi cảm và quan trọng hơn là gợi được rung cảm sâu sắc cho người đọc.

Giải pháp 4. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học Tiếng Việt để nâng cao chất lượng dạy học viết đoạn văn theo hướng phát triển năng lực.

a. Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát là phương pháp dạy học giáo viên tổ chức cho học sinh sử dụng các giác quan khác nhau để tri giác sự vật trong tự nhiên một cách trực tiếp, có mục đích, có kế hoạch và trọng tâm, qua đó rút ra được những kết luận khoa học. Việc quan sát và vị trí quan sát tốt, góc quan sát phù hợp sẽ giúp HS nắm bắt được đối tượng, cảm nhận được đối tượng một cách rõ ràng, cụ thể hơn. GV cần hướng dẫn HS quan sát bằng nhiều giác quan để học sinh hiểu và cảm nhận về đối tượng cần quan sát: thị giác (nhìn, quan sát), thính giác (nghe), khứu giác (ngửi), xúc giác (sờ, nắm), vị giác (nếm). Sử dụng nhiều giác quan khi quan sát sẽ tạo ra những đoạn văn hay và hấp dẫn. GV hướng dẫn cách quan sát từ bao quát đến chi tiết, từ tổng thể đến bộ phận, giúp HS hình thành phương pháp làm việc khoa học. Sử dụng phương pháp quan sát tạo được hứng thú học tập cho HS,

phù hợp quá trình nhận thức HS tiểu học. Có thể hình dung việc vận dụng phương pháp quan sát qua các bước sau:

Bước 1: Xác định mục đích quan sát: Giáo viên cần xác định rõ việc tổ chức cho HS quan sát nhằm đạt mục tiêu, kiến thức, kĩ năng nào.

Bước 2: Lựa chọn đối tượng quan sát: Khi lựa chọn đối tượng quan sát, giáo viên nên ưu tiên lựa chọn các vật thật để giúp HS hình thành biểu tượng sinh động.

Bước 3: Tổ chức và hướng dẫn học sinh quan sát: Tuỳ theo mục đích và đối tượng quan sát, giáo viên hướng dẫn cho các em sử dụng các giác quan để phán đoán, cảm nhận sự vật hiện tượng (mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,…) thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập.

Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả về đối tượng được quan sát: Hình thức báo cáo có thể bằng lời, phiếu học tập, hay phương tiện dạy học, giáo viên tổ chức cho học sinh hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng và bổ sung các kiến thức cần thiết.

Với một số đề bài, giáo viên nên định hướng cho học sinh cách quan sát và yêu cầu các em quan sát ở nhà. Giáo viên hướng dẫn học sinh chuẩn bị kĩ cả về thời gian, địa điểm, các dụng cụ và phương tiện cần thiết. Giáo viên nên có hệ thống câu hỏi hoặc phiếu học tập để hướng học sinh vào đối tượng quan sát, giúp học sinh xác định mục đích và đối tượng quan sát để tránh cho các em quan sát tràn lan, không trọng tâm. Kết thúc hoạt động quan sát, học sinh ghi chép lại và trao đổi với các bạn và cô giáo khi lên lớp. giáo viên sẽ tổ chức để các nhóm HS báo cáo kết quả quan sát.

Ví dụ: *Viết đoạn văn miêu tả cây cối* (*TV4, tập 2, tr.95 Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)*

Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát mộ số loại cây quen thuộc dưới sân trường như cây phượng, câu bàng, cây xà cừ,... để giúp các em nhận biết được hình dáng bề ngoài, các bộ phận, đặc điểm của tán lá, cây và hoa. Qua đó, học sinh nêu được công dụng, ích lợi của loại cây đó. Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát dựa trên phiếu học tập sau:

Đặc điểm bao quát			Đặc điểm của từng bộ phận				Sự vật có liên quan
Hình dáng	Tán lá	✿	Thân	Cành	Lá	✿	✿
cao lớn,…	rộng,…	✿	thẳng,…	mập,…	xanh rì,…	✿	✿

Khi được giao phiếu học tập như trên, học sinh sẽ quan sát, tìm hiểu các thông tin về loại cây đó. Ngoài ra, giáo viên cũng sẽ kết hợp trình chiếu một số hình ảnh về một số loại cât để giúp các em có thêm hình ảnh, ý tưởng để viết tốt hơn. Áp dụng phương pháp quan sát trong dạy viết đoạn văn miêu tả, câu văn sẽ giàu hình ảnh và phong phú hơn.

Nhờ được quan sát vật thật, tranh ảnh theo những định hướng của yêu cầu viết nên khi bắt tay vào viết đoạn văn, câu văn của học sinh đã linh hoạt hơn và giàu hình ảnh hơn.

b.Phương pháp dạy học theo mẫu

Phương pháp dạy học theo mẫu là cách thức giáo viên cung cấp một ngữ liệu để làm mẫu, tổ chức cho học sinh phân tích ngữ liệu để hình thành một kiến thức mới hoặc để minh hoạ cho một kiến thức đã biết. Ở mức độ cao hơn, giáo viên có thể yêu cầu học sinh mô phỏng mẫu để tạo ra một sản phẩm ngôn ngữ tương tự như mẫu.

Để sử dụng phương pháp này, giáo viên tiến hành như sau:

Bước 1: Xác định mục đích sử dụng phương pháp dạy học theo mẫu.

Bước 2: Lựa chọn mẫu và cách trình bày mẫu/ cách cung cấp mẫu cho học sinh.

+ Về lựa chọn mẫu: Mẫu trong dạy tiếng Việt rất đa dạng. Mẫu trong dạy viết cần được hiểu một cách linh hoạt, không chỉ là đoạn văn, bài văn, mà còn có thể là một dàn ý.

+ Về lựa chọn cách trình bày mẫu/cách cung cấp mẫu cho học sinh: Việc lựa chọn này tuỳ thuộc vào mục đích dạy học, phương tiện dạy học, độ dài của mẫu. Trong dạy tiếng Việt và dạy viết, giáo

viên giáo viên có thể trình bày mẫu bằng cách trình chiếu, có thể in và phát mẫu đến từng nhóm hoặc từng cá nhân HS. Nếu mẫu là văn bản có trong sách giáo khoa thì yêu cầu học sinh đọc trực tiếp trong sách.

Bước 3: Xây dựng hệ thống câu hỏi/ phiếu học tập hướng dẫn học sinh phân tích mẫu theo định hướng của bài học

Bước 4: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu theo định hướng của bài học.

+ Tổ chức cho học sinh đọc và trả lời các câu hỏi/ hoàn thành phiếu học tập để phân tích mẫu.

+ Hướng dẫn học sinh rút ra những kết luận quan trọng từ việc phân tích mẫu.

Bước 5: Hướng dẫn học sinh mô phỏng mẫu, tạo ra một sản phẩm mới tương tự như mẫu.

Bước 6: Trình bày và nhận xét, đánh giá sản phẩm ngôn ngữ mới.

Ví dụ: *Viết đoạn văn tả một đồ chơi của em*

+ Mục tiêu giúp cho học sinh có thể tìm hiểu, khắc sâu các kiến thức đã học thông qua các bài mẫu, hình thành cho học sinh các nội dung cơ bản.

+ Các bước tiến hành: Lựa chọn mẫu phù hợp với yêu cầu của bài học.

Với các bài viết miêu tả đồ chơi của em. Giáo viên chuẩn bị các bài mẫu về chủ đề miêu tả đồ chơi của em khác nhau. Cho học sinh thảo luận theo nhóm tìm hiểu về các bài đọc mẫu. Gv quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh tìm ra được các từ khoá cho bài văn mẫu.

Món đồ chơi em yêu quý nhất chính là chiếc hộp đựng đầy những viên bi. Những viên bi có hình tròn, làm từ thuỷ tinh, với các kích thước, màu sắc khác nhau. Có viên to như hạt lạc thôi, nhưng có viên to bằng quả trứng cút. Màu sắc thì đa dạng vô cùng, lại có những viên bi có các vạch màu bên trong suốt nữa, đẹp vô cùng.

+ Hình thành phiếu câu hỏi:

Món đồ chơi em yêu thích nhất là gì? Ai mua (tặng) khi nào? Hình dạng đồ vật đó như thế nào? Các bộ phận nổi bật? Màu sắc? Kích thước? Hình ảnh được thể hiện trên đồ vật? Em thường sử dụng và bảo quản nó như thế nào? Em có cảm nghĩ gì về đồ chơi đó?

+ Hướng dẫn HS thực hiện tương tự các mẫu theo nhóm.

+ Hướng dẫn học sinh mô phỏng theo mẫu, tạo ra một sản phẩm mới.

Sử dụng sơ đồ tư duy để hướng dẫn học sinh viết đoạn văn:

Trong các bài viết văn miêu tả lớp 4 giúp học sinh tái hiện lại đối tượng miêu tả mình đã biết, hình thành các ý tượng mới, sáng tạo, tranh luận…tất cả phải được thực hiện trong một thời gian ngắn, tập trung cao độ và huy động mọi khả năng của học sinh.

Sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép nhằm tìm tòi, đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức. Sơ đồ tư duy là một công cụ hữu ích trong giảng dạy và học tập ở trường phổ thông cũng như ở các bậc học cao hơn. Nó giúp giáo viên và học sinh trong việc trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học, hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ.

Sơ đồ tư duy có thể thể hiện dưới các dạng khác nhau nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc gồm chủ đề chính liên kết với các nhánh nhỏ hơn. Ở vị trí trung tâm sơ đồ là một hình ảnh hay một từ khóa thể hiện chủ đề chính. Trung tâm sẽ được phát triển nối với các từ khóa liên quan bằng các nhánh chính (thường tô đậm nét). Từ các nhánh chính tiếp tục phát triển phân nhánh đến các hình ảnh hay từ khóa cụ thể hơn, liên quan đến nhánh chính. Việc phân nhánh cứ tiếp tục và các nội dung liên quan luôn được nối kết với nhau.

Ưu điểm lớn nhất của sơ đồ tư duy là giúp cho người học nâng cao hiệu quả làm việc, tăng tính sáng tạo và tư duy khoa học. HS dễ dàng xác định được mối liên hệ của các thông tin, dữ liệu, cải thiện năng lực ghi nhớ. Sử dụng sơ đồ tư duy là phương pháp hữu hiệu để phác thảo những ý tưởng độc đáo, những tư duy sáng tạo trong điều kiện thời gian bị hạn chế. Đây cũng là phương pháp tốt để HS có thể sắp xếp những ý tưởng và xâu chuỗi chúng lại trong các mối liên hệ nhất định. GV nên hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động nhóm và làm việc cá nhân để hệ thống kiến thức đã học, triển khai các ý chính cho một đoạn văn…

Ví dụ: *Viết đoạn văn tả cây cối*

Giáo viên đưa ra từ chủ đề là "*Tả cây cối"* và đưa ra những gợi ý hình thành tưởng viết cho các em. Sau mỗi gợi ý, giáo viên đồng thời thao tác vẽ tạo sơ đồ tư duy để giúp học sinh lớp 4 đọc và hiểu được, ghi nhớ kiến thức dễ dàng hơn. Sau khi đã làm quen, giáo viên có thể hướng dẫn các em tự vẽ sơ đồ tư duy.



Từ đây, học sinh đã viết được đoạn văn ngắn khoảng 5-7 câu, mỗi câu là một nhánh của sơ đồ. Sử dụng sơ đồ tư duy kết hợp với lời giảng của giáo viên sẽ giúp học sinh biết cách triển khai ý tưởng viết đoạn văn, đảm bảo cho nội dung đoạn văn rõ ràng, mạch lạc, đủ ý. Giáo viên kết hợp mở rộng vốn từ, cách viết câu để HS có thể viết được đoạn văn hay, hấp dẫn, có thể dài hơn số câu yêu cầu đề bài. Qua đó, tạo tiền đề để khi học lên lớp cao hơn, học sinh biết cách lập dàn ý và triển khai thành một bài văn hoàn chỉnh.

- Tổ chức và hướng dẫn học sinh thuyết trình nhóm hoặc lớp về nội dung viết của đoạn văn.

Thuyết trình với học sinh tiểu học là một hoạt động khó, đòi hỏi nhiều kĩ năng và sự sáng tạo ở các em. Nếu giáo viên lạm dụng thuyết trình thì học sinh dễ bị quá tải, không hiểu hết nội dung học tập dẫn tới không đạt được mục tiêu của bài học. Việc chia học sinh theo từng nhóm để làm bài thuyết trình có thể thực hiện trước khi học sinh tiến hành viết đoạn.

Để tổ chức được hoạt động thuyết trình, giáo viên cần phải được học, được tập huấn, tìm hiểu kĩ, khi đó mới có thể làm tốt được, tránh tình trạng hiểu chưa cặn kẽ lại lạm dụng khiến cho học sinh mệt mỏi, không tha thiết với môn học hoặc học qua loa, đối phó.

Ví dụ: Quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp, viết 3 - 4 câu tả đồ vật đó.

Với đề bài này, giáo viên sẽ tổ chức cho học sinh làm việc trong nhóm 2, chia sẻ với nhau những đồ vật mình đã quan sát được trên những gợi ý giáo viên đưa lên màn hình:

+ Tên đồ vật em đã quan sát được?
+ Em nhìn thấy nó khi nào?
+ Đặc điểm của các bộ phận (hình dáng, màu sắc, chất liệu,…)?
+ Công dụng của đồ vật?
+ Suy nghĩ của em về đồ vật đó?

HS trong nhóm sẽ tả về đồ vật mình quan sát được, nghe bạn tả và bình bầu ra một bạn kể tốt nhất để tham gia thuyết trình trước lớp.

- Kết hợp linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy học vào quy trình tổ chức dạy học viết.

Hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động viết theo giai đoạn của quy trình:

- Xác định mục đích và nội dung viết;
- Thu thập tư liệu, hình thành ý và lập dàn ý cho bài viết;
- Viết nháp rồi hoàn thiện bài viết;
- Dựa vào việc đọc lại, góp ý của giáo viên hoặc bạn để chỉnh sửa bài.
- Sử dụng đa dạng, phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật, hình thức dạy học: Không có một phương pháp, kĩ thuật dạy học nào là tối ưu có thể dành cho dạy học viết. Mỗi phương pháp, kĩ thuật đều có những ưu và nhược điểm nhất định. Vì vậy, giáo viên cần sử dụng đa dạng các loại phương pháp, kĩ thuật dạy học để đáp ứng việc dạy đọc cho những đối tượng văn bản và học sinh khác nhau.

Việc lựa chọn, sử dụng các loại phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau được tiến hành dựa trên một số cơ sở như: mục tiêu, nội dung, đối tượng dạy học và cơ sở vật chất, điều kiện sở trường của mỗi giáo viên. Việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 4 trong dạy học văn miêu tả không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt mà còn hình thành và bồi dưỡng những phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh tiểu học. Qua quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, bài viết đã đề xuất một số giải pháp khả thi như: sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật tạo từ hay, kĩ thuật tạo câu có hình ảnh so sánh và vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực. Các giải pháp đều bám sát đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh lớp 4, đồng thời phù hợp với mục tiêu giáo dục của chương trình hiện hành. Thực tế dạy học cho thấy, khi được tổ chức các hoạt động học tập một cách linh hoạt, sinh động, học sinh hứng thú hơn với việc viết văn, biết quan sát, lựa chọn từ ngữ và diễn đạt tốt hơn. Điều này khẳng định rằng: nếu giáo viên được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, biết cách lựa chọn và kết hợp linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp, thì việc phát triển ngôn ngữ viết cho học sinh tiểu học nói chung, ngôn ngữ miêu tả nói riêng sẽ đạt được hiệu quả rõ rệt.

5. Kết luận

Việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 4 trong dạy học văn miêu tả không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt mà còn hình thành và bồi dưỡng những phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh tiểu học. Qua quá trình nghiên cứu, bài viết đã đề xuất một số giải pháp khả thi như: sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật tạo từ hay, kĩ thuật tạo câu có hình ảnh so sánh và vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực. Các giải pháp đều bám sát đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh lớp 4, đồng thời phù hợp với mục tiêu giáo dục của chương trình hiện hành. Thực tế dạy học cho thấy, khi được tổ chức các hoạt động học tập một cách linh hoạt, sinh động, học sinh hứng thú hơn với việc viết văn, biết quan sát, lựa chọn từ ngữ và diễn đạt tốt hơn. Điều này khẳng định rằng: nếu giáo viên được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, biết cách lựa chọn và kết hợp linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp, thì việc phát triển ngôn ngữ viết cho học sinh tiểu học nói chung, ngôn ngữ miêu tả nói riêng sẽ đạt được hiệu quả rõ rệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Khắc Tuân (2017), *Rèn kĩ năng Tập làm văn lớp 4.* Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Trí (2008), *Một số vấn đề dạy hội thoại cho học sinh tiểu học* .Nxb Giáo dục.
3. Lê Anh Xuân (chủ biên), Lê Thị Vân Anh (2021), *Rèn kĩ năng Tập làm văn cho học sinh lớp 4* .Nxb Giáo dục.
4. (2023-2024), *Sách giáo khoa Tiếng việt lớp 4 Tập 1, 2* (Cánh diều). Nxb Giáo dục Việt Nam
5. (2023-2024), *Sách giáo viên Tiếng việt lớp 4 tập 1,2 (Cánh diều).* Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. *Tài liệu Bồi dưỡng môn Tiếng việt - Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018*.
7. (2023-2024), *Tài liệu hướng dẫn học môn Tiếng Việt lớp 4* (Cánh diều). Nxb Giáo dục Việt Nam.

Some measures to improve language skills for fourth-grade students in learning descriptive writing

Abstract: This article proposes a number of solutions to enhance language competence, supporting fourth-grade students in improving their descriptive writing performance. The limited ability to use vocabulary and express ideas is identified as a key factor negatively impacting the effectiveness of writing lessons. Accordingly, the article introduces specific measures aimed at developing students' vocabulary, observational skills, and descriptive expression. These solutions are tailored to the psychological characteristics of the age group and the actual conditions of primary schools. The findings contribute to improving the quality of descriptive writing instruction in primary education, with a focus on fostering students' language development.

Key words: Solution; Language ability; Description; Improve quality; Develop vocabulary.